



# BỘ QUY TẮC THAM CHIẾU VỀ CÀ PHÊ BỀN VỮNG

CÙNG NHAU THÚC ĐẨY SỰ BỀN VỮNG



# GIỚI THIỆU

Cà phê là động lực cho sự phát triển kinh tế và xã hội của hơn 50 quốc gia xuất khẩu cà phê và đóng góp quan trọng cho môi trường dưới dạng một khu rừng sản xuất. Hơn 25 triệu gia đình phụ thuộc vào canh tác cà phê để sinh sống và có khoảng 12,5 triệu trang trại sản xuất cà phê, phần lớn trong số đó được sở hữu bởi những nông hộ nhỏ. Trong số đó, khoảng một phần tư các nông hộ do phụ nữ làm chủ và người phụ nữ đóng góp 70% nhân lực trong sản xuất cà phê. Tuy nhiên, những thách thức đang diễn ra bao gồm lợi nhuận của người sản xuất giảm sút và các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và đang bị làm trầm trọng thêm bởi đại dịch toàn cầu đang gây nguy hiểm cho sự đóng góp của sản xuất cà phê cho nền kinh tế địa phương và các kết quả bền vững đạt được trong những năm qua. Kết quả là, sự quan tâm của người sản xuất trẻ tuổi tham gia vào kinh doanh cà phê đã giảm trong những năm qua.

Một trong những chìa khóa để ngành cà phê giải quyết những thách thức này và thúc đẩy sự bền vững cũng như sự thịnh vượng của người sản xuất là một khuôn khổ chung cho hành động tập thể và trách nhiệm chung. Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững đóng vai trò như một hướng dẫn cho tất cả người sản xuất cà phê, bắt đầu hoặc đang tiến bước trên hành trình phát triển bền vững của họ, bằng cách thiết lập một ngôn ngữ chung. Nó góp phần vào sự hiểu biết chung về tính bền vững cơ bản cho các bên liên quan trong ngành cà phê thuộc khối công, khu vực tư nhân và các TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ, cũng như có sự đo lường và giám sát phù hợp nhằm tăng cường sản xuất và tiêu thụ cà phê bền vững.



Diễn đàn Cà phê Toàn cầu (GCP) là đơn vị quản lý Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững và chịu trách nhiệm xác định, duy trì và xem xét tài liệu này định kỳ. GCP là một hiệp hội thành viên gồm nhiều bên liên quan nhằm nâng cao tính bền vững của ngành cà phê. Các Thành viên GCP được thống nhất theo một tầm nhìn chung để cùng làm việc hướng tới một ngành cà phê phát triển mạnh và bền vững cho các thế hệ sau. Các thành viên bao gồm các nhà sản xuất cà phê, thương mại, rang xay, bán lẻ, tiêu chuẩn bền vững và xã hội dân sự, chính phủ và các nhà tài trợ.





# PHẠM VI

Là một tài liệu tham khảo toàn cầu, Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững là một khuôn khổ cho các nền tảng của tính bền vững ở các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường cho sản xuất và sơ chế cà phê nhân trên toàn thế giới.

Sự hiểu biết chung về tính bền vững cơ bản tại các khâu sản xuất và sơ chế là điều kiện tiên quyết, nhưng không phải là công cụ duy nhất để thúc đẩy chương trình nghị sự về tính bền vững trong ngành cà phê. Những đổi mới và các phương pháp tiếp cận khác ở cấp nông hộ và dọc theo chuỗi cung ứng (ví dụ, các phương pháp tiếp cận theo vùng và cảnh quan) sẽ có nhiều tác động hơn nếu có một nền tảng chung để xây dựng.

Trong khi Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững bao gồm phần đầu của chuỗi cung ứng, thì các tác nhân ở cuối chuỗi được kỳ vọng sẽ chia sẻ trách nhiệm về tính bền vững. Điều này bao gồm việc hỗ trợ và khuyến khích các nỗ lực của các nhà sản xuất cà phê nhằm giới thiệu, duy trì và vượt ra ngoài các nguyên tắc cơ bản này trên tất cả các khía cạnh, cũng như thúc đẩy các hoạt động mua bán và truy xuất nguồn gốc cung ứng một cách công bằng.



# ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG BỘ QUY TẮC THAM CHIẾU VỀ CÀ PHÊ BỀN VỮNG

Là một tài liệu tham khảo toàn cầu, Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững có thể được các bên liên quan khác nhau sử dụng theo nhiều cách khác nhau, ví dụ:



## Các nhà sản xuất cà phê

như một tài liệu tham khảo để đánh giá các thực hành của họ đối với các nguyên tắc và thực hành bền vững cơ bản và xác định các lĩnh vực cần cải thiện.



## Các nhà quản lý của các nhóm nhà sản xuất

như một tài liệu tham khảo để hiểu hiện trạng của mỗi nhà sản xuất riêng lẻ liên quan đến các thực hành bền vững cơ bản và xác định các lĩnh vực để cải thiện cho từng cá nhân hoặc theo nhóm. Ngoài ra, để đánh giá hoạt động của chính họ dựa trên các nguyên tắc và thực hành chỉ liên quan đến các nhóm.



## Thương nhân, nhà rang xay và nhà bán lẻ

như một tài liệu tham khảo cho các chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, các chương trình tìm nguồn cung ứng và xuất xứ có trách nhiệm và cho các cam kết của họ về nguồn cung ứng có trách nhiệm/bền vững.



## Các cơ quan quản lý địa phương/chính phủ tham gia vào các phương pháp tiếp cận cảnh quan cà phê

sử dụng tài liệu làm cơ sở để xác định sản xuất bền vững.



## Các tổ chức tài chính và quỹ đầu tư

như một tài liệu tham khảo về tính bền vững cơ bản trong ngành cà phê, có thể cung cấp các tiêu chí đủ điều kiện cho các khoản đầu tư.



## Các cơ quan tài trợ và tổ chức phi chính phủ

như một tài liệu tham khảo về tính bền vững cơ bản trong lĩnh vực cà phê, có thể cung cấp thông tin về thiết lập các chương trình, dự án và đầu tư.



## Các hệ thống chứng nhận, tiêu chuẩn và chương trình bền vững và các tác nhân trong chuỗi cung ứng

kết hợp với Tiêu chí hoạt động theo Cơ chế tương đương GCP, để đánh giá các hệ thống/chương trình đó dựa trên các Nguyên tắc và Thực hành được nêu trong Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững cho các mục đích khẳng định tín nhiệm và/hoặc để đủ điều kiện cho GCP lập báo cáo về Tình hình thu mua cà phê bền vững.



## Chính phủ ở các nước sản xuất cà phê và các diễn đàn

như một tài liệu tham khảo làm cơ sở cho các chiến lược và kế hoạch phát triển cà phê bền vững của quốc gia (ví dụ: được sử dụng để xây dựng Chương trình Bền vững Quốc gia và các chương trình dịch vụ khuyến nông).





# ÁP DỤNG

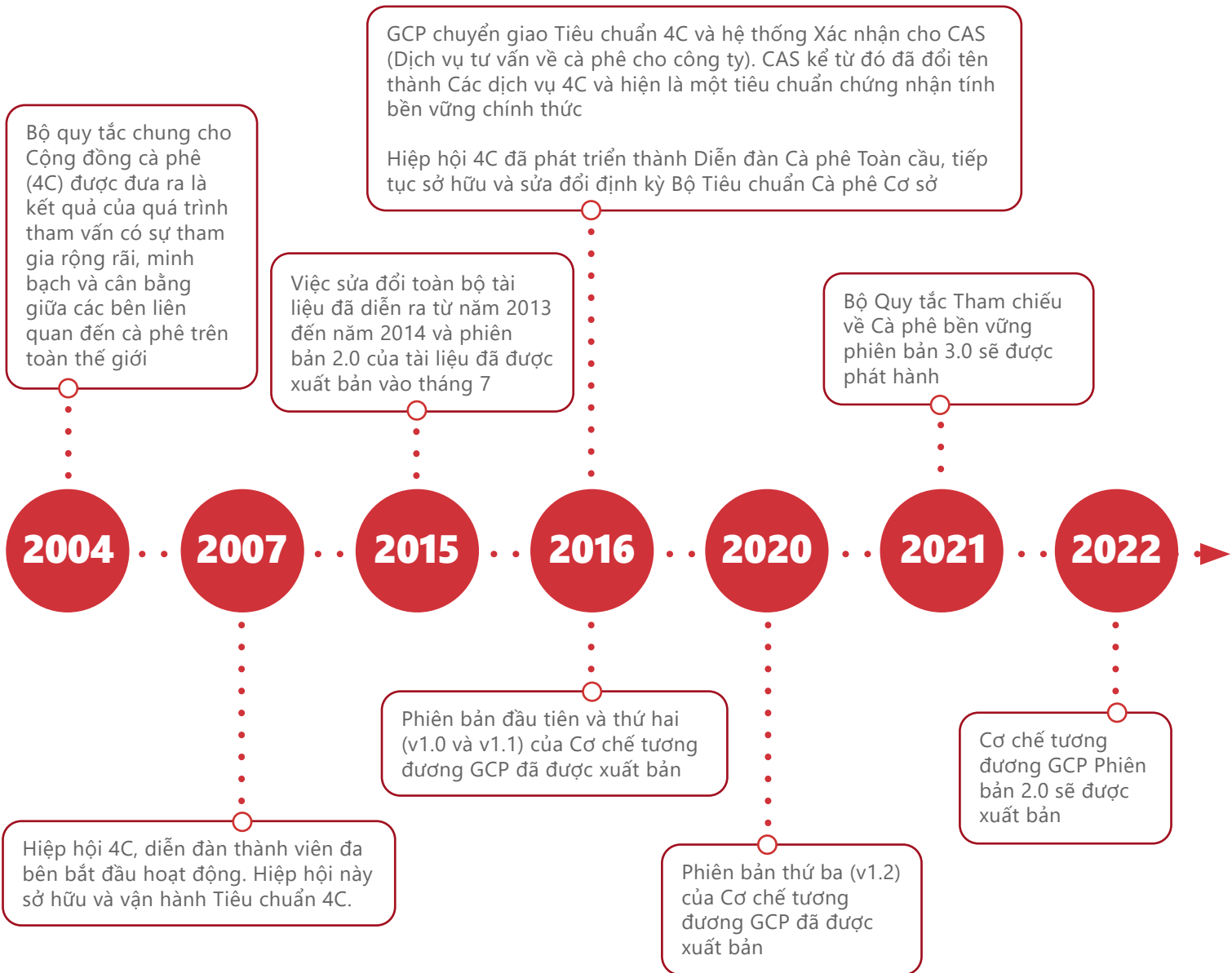
Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững là một khung tham chiếu chứ không phải là một công cụ để đo lường tính bền vững ở cấp độ nông hộ. Có nhiều tiêu chuẩn và chương trình bền vững đáng tin cậy với các hệ thống đang được triển khai mạnh mẽ. Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững không nhằm cạnh tranh hoặc thay thế các quy tắc này mà được coi là ngôn ngữ chung cho tính bền vững cơ sở. Trong những năm gần đây, GCP đã phát triển một cơ chế riêng biệt để cho phép người sử dụng các kế hoạch, tiêu chuẩn và các chương trình khác nhau xác định cách chúng liên quan đến Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững.

Đây được gọi là Cơ chế Tương đương, cho phép đánh giá liệu các tiêu chuẩn và chương trình bền vững có thể được coi là tương đương với Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững này hay không. Cơ chế tương đương của GCP không chỉ đánh giá xem các Nguyên tắc và Thực hành trong Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững có được đưa vào hay không mà còn đánh giá cách thức thực hiện các yêu cầu đó (Tiêu chí hoạt động). Các Tiêu chí Hoạt động bao gồm các yếu tố như dữ liệu, đảm bảo, truy xuất nguồn gốc và các tuyên bố. Để biết thêm thông tin về Cơ chế tương đương GCP, [hãy xem liên kết này: bit.do/GCP\\_EM](https://bit.do/GCP_EM).

Các kế hoạch, tiêu chuẩn và chương trình bền vững được coi là tương đương với Quy tắc tham chiếu về tính bền vững của cà phê có đủ điều kiện để được đưa vào Báo cáo tập thể của GCP về việc thu mua cà phê bền vững. Kết quả báo cáo Tổng hợp GCP hàng năm cung cấp cái nhìn về khối lượng và nguồn gốc của việc mua cà phê bền vững của các nhà rang xay và bán lẻ. Để biết thêm thông tin về Báo cáo tập thể GCP, [hãy xem liên kết này: www.globalcoffeeplatform.org](https://www.globalcoffeeplatform.org).

# LỊCH SỬ

## BỘ QUY TẮC THAM CHIẾU VỀ CÀ PHÊ BỀN VỮNG VÀ CƠ CHẾ TƯƠNG ĐƯƠNG TỪ NĂM



# CẢI TIẾN LIÊN TỤC

Tính bao trùm của Bộ Quy tắc Tham chiếu về cà phê bền vững nhằm mục đích lôi kéo những người sản xuất hiện chưa tham gia vào thị trường cà phê bền vững tham gia và đáp ứng được các mức độ cơ bản nhất trong sự phát triển bền vững, đồng thời thúc đẩy những người đang tham gia trong quá trình hướng tới sự phát triển bền vững tiếp tục cải thiện các thực hành của mình.

**Cải tiến liên tục**, đang được giới thiệu như là **Thực hành quan trọng thứ năm**, yêu cầu là nếu như các Kết quả mong đợi không được đáp ứng, phải có một kế hoạch hành động có thời hạn để đáp ứng mức cơ sở của tính bền vững được đưa ra và giám sát.

**Bốn Thực hành được đánh dấu là Quan trọng:** các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, lao động cưỡng bức, phá rừng và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật bị cấm. Đây là những điểm nóng được ngành công nhận về mức độ nghiêm trọng và mức độ cấp thiết của các tác động. Nếu những thực hành này được phát hiện, chúng phải được dừng lại ngay lập tức.

Ở các quốc gia nơi Tài liệu hướng dẫn sản xuất cà phê bền vững (NSC) được soạn thảo, các giáo trình này sẽ cung cấp thêm hướng dẫn về ngữ cảnh hóa các Nguyên tắc, Thực hành và Kết quả mong đợi.



**Tất cả các Thực hành** phản ánh **ngưỡng cơ bản về tính bền vững và là ở mức tối thiểu**. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng đối với sản xuất cà phê đại trà và cụ thể là các hộ sản xuất quy mô nhỏ, một số **Kết quả mong đợi này** có thể chưa đạt được, nên việc cải tiến liên tục là điều cần thiết.

Các mốc thời gian được xác định bởi những người sử dụng Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững với việc thực hiện **các Thực hành** khác nhau dựa trên bối cảnh của các nhà sản xuất mà họ làm việc cùng, đặc biệt là xem xét thực tế của các hộ sản xuất quy mô nhỏ. Điều này sẽ thúc đẩy cải tiến liên tục để đạt được **các Kết quả mong đợi**.





# CẤU TRÚC

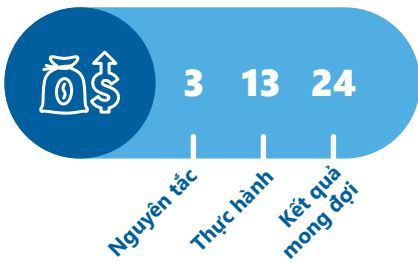
Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững là một khung tham chiếu tập trung vào kết quả được tổ chức dựa trên ba khía cạnh của tính bền vững: kinh tế, xã hội và môi trường, thừa nhận rằng các khía cạnh này có mối quan hệ với nhau và phụ thuộc lẫn nhau.

Mỗi khía cạnh bao gồm một tuyên bố mục tiêu được liên kết với Sứ mệnh GCP (sự thịnh vượng kinh tế của người sản xuất, cải thiện sinh kế và phúc lợi, bảo tồn thiên nhiên) và các Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Dưới mỗi khía cạnh có các **Nguyên tắc, Thực hành và Biện pháp** như sau:

CÁC KHÍA CẠNH

## VỀ KHÍA CẠNH KINH TẾ



## VỀ KHÍA CẠNH XÃ HỘI



## VỀ KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG



Chỉ số tiêu chuẩn dữ liệu cà phê [bit.do/GCP\\_CDS](http://bit.do/GCP_CDS)

1 TÊN NGUYÊN TẮC	THỰC HÀNH	KẾT QUẢ MONG ĐỢI	ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG		
			Nông hộ quy mô nhỏ	Nhóm	Vườn
MỚI <input type="checkbox"/> QUAN TRỌNG <input checked="" type="checkbox"/>	1.1 Mô tả Thực hành	1.1.1 Tìm hiểu về kết quả mong đợi	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
	1.2 Mô tả Thực hành	1.2.1 Tìm hiểu về kết quả mong đợi	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

**Mỗi Nguyên tắc** mô tả một mục tiêu hoặc tham vọng và được chia thành các Thực hành.

**Các Thực hành** là các hành động được thực hiện để đáp ứng các Nguyên tắc và đạt được mục tiêu tổng thể.

**Các Kết quả mong đợi** là một bản phân tích cụ thể hơn của các Thực hành. Kết quả mong đợi được đóng khung như các kết quả đầu ra. Đây là những khía cạnh có thể đo lường phục vụ các mục đích khác nhau tùy thuộc vào người sử dụng (ví dụ: để nông dân hiểu chi tiết về Thực hành, về Cơ chế tương đương để đánh giá các chương trình).

Việc liệu một Kết quả mong đợi có thể áp dụng cho các hộ sản xuất quy mô nhỏ, cho các chủ sở hữu của các trang trại lớn hơn (ví dụ: không phải các hộ nhỏ, điền trang hoặc nhiều địa điểm) hay Nhóm (ví dụ: chính thức hoặc không chính thức, được tổ chức thành hợp tác xã, người quản lý tài nguyên, chính phủ, nhà cung cấp đầu vào, thương nhân) được hiển thị dưới các cột khả năng áp dụng.



Người sản xuất có nghĩa là tất cả, nông dân trồng cà phê nam và nữ, và người sở hữu đất ở mọi quy mô.



Trừ khi được nêu rõ ràng, công nhân có nghĩa là tất cả công nhân: cố định, thời vụ, bán thời gian, người làm khoán (trả lương theo công việc), người nhập cư và nhà thầu bên thứ ba, nữ và nam.



Các hộ sản xuất quy mô nhỏ có nghĩa là những người sản xuất chủ yếu dựa vào lao động gia đình và/hoặc trao đổi lao động với các thành viên khác trong cộng đồng để thực hiện các hoạt động sản xuất cà phê của họ.

Định nghĩa các thuật ngữ và bổ sung được bao gồm trong [Bảng chú giải thuật ngữ và Hướng dẫn](#).



# TỔNG QUAN VỀ CÁC NGUYÊN TẮC

## VỀ KHÍA CẠNH KINH TẾ



1

QUẢN LÝ  
KINH DOANH

2

CÁC DỊCH VỤ  
NÔNG NGHIỆP

3

TÍNH TRUNG THỰC  
TRONG KINH DOANH

## VỀ KHÍA CẠNH XÃ HỘI



4

QUYỀN  
TUỔI THƠ

5

NHÂN  
QUYỀN

6

ĐIỀU KIỆN  
LÀM VIỆC

7

CỘNG ĐỒNG

## VỀ KHÍA CẠNH MÔI TRƯỜNG



8

ĐA DẠNG  
SINH HỌC

9

QUẢN LÝ SÂU BỆNH  
VÀ CỎ TỰ NHIÊN

10

BẢO TỒN  
TÀI NGUYÊN

11

PHÒNG  
NGỪA Ô  
NHIỄM

12

KHÍ HẬU



# SỰ THỊNH VƯỢNG VỀ KINH TẾ

Tuyên bố mục tiêu: Người sản xuất có thể đạt được năng suất và chất lượng tốt hơn và cải thiện thu nhập từ cà phê, đóng góp vào sự thịnh vượng kinh tế của họ và chia sẻ lợi ích với tất cả những người tham gia sản xuất cà phê, bao gồm cả phụ nữ và thanh niên.

Đóng góp cho:







## NGUYÊN TẮC

1

QUẢN LÝ  
KINH DOANH

2

CÁC DỊCH VỤ  
NÔNG NGHIỆP

3

TÍNH TRUNG THỰC  
TRONG KINH DOANH





## QUẢN LÝ KINH DOANH

Tất cả Người sản xuất đều có kiến thức về các thực hành mà họ cần thực hiện để đạt được năng suất, tính bền vững, tính đa dạng, công bằng, hòa nhập, khả năng phục hồi và lợi nhuận.

# 1





## THỰC HÀNH

## KẾT QUẢ MONG ĐỢI

Nông hộ  
quy mô nhỏ

Nhóm

Vườn

ĐỐI TƯỢNG  
ÁP DỤNG

**1.1** Người sản xuất được đào tạo và phát triển kỹ năng để áp dụng các kỹ thuật và thực hành liên quan đến GAP, biện pháp thực hành và xử lý sau thu hoạch, thực hành quản lý chất lượng, thực hành quản lý chất lượng.

**1.1.1** Người sản xuất nhận thức được thực hành nông nghiệp tốt (GAP) được xác định trong các chương trình/tiêu chuẩn quốc gia hiện hành, thực hành và xử lý sau thu hoạch, việc quản lý và thực hành tốt để kiểm soát chất lượng có thể được thực hiện ở cấp nông hộ.

**1.1.2** Người sản xuất phải biết về các thông số và đặc điểm kỹ thuật chất lượng (ví dụ: độ ẩm, khuyết tật vật lý, giới hạn dư lượng có liên quan).

**1.1.3** Người sản xuất và người lao động được đào tạo về các biện pháp thực hành nông nghiệp tốt, thực hành và xử lý sau thu hoạch và xử lý và các biện pháp thực hành đảm bảo chất lượng.

**1.1.4** Người sản xuất thuộc các nhóm được đào tạo về thực hành quản lý tốt bao gồm quản trị doanh nghiệp tốt.

**1.1.5** Người sản xuất thực hiện các thực hành này.

**1.2** Người sản xuất lưu giữ hồ sơ để lập kế hoạch và ra quyết định.

**1.2.1** Người sản xuất có hồ sơ ghi chép những chi phí và thu nhập chính từ cà phê. Các hộ sản xuất quy mô nhỏ không có khả năng lưu giữ hồ sơ được biết về sản lượng và chi phí chính của họ (chẳng hạn như lao động và/hoặc chi phí đầu vào) và thu nhập (ví dụ như giá mà họ đã bán cà phê).

**1.2.2** Người sản xuất ghi nhận được thông tin về thu nhập từ cà phê và các nguồn thu nhập của gia đình, tính cả thu nhập từ sản xuất nông nghiệp và thu nhập từ các hoạt động khác. Thông tin này là cơ sở để xác minh khoảng cách giữa tổng thu nhập và Mức thu nhập đảm bảo cuộc sống cơ bản khi có các thông tin này. Thông tin đáng tin cậy thường xuyên có sẵn cho các nhà sản xuất về thực hành, dịch vụ, đầu vào, thị trường và khí hậu đến từ các nguồn độc lập.

**1.3** Các nhà sản xuất ủng hộ sự đa dạng, công bằng, hòa nhập thông qua sự tham gia và cơ hội phát triển cho TẤT CẢ trong quản lý và canh tác cà phê.

**1.3.1** Phân tích công bằng giới và hòa nhập xã hội (GESI) được thực hiện để xác định nhu cầu, tỷ lệ tham gia, khả năng tiếp cận các nguồn lực và phát triển, kiểm soát tài sản, quyền ra quyết định, v.v. của phụ nữ, thanh niên và các nhóm yếu thế.

**1.3.2** Người sản xuất có kế hoạch và thực hiện các biện pháp hỗ trợ việc tham gia và tiếp cận cơ hội cho các bên liên quan trong canh tác và quản lý.

**1.4** Người sản xuất có thủ tục, quy trình và chính sách được lập thành văn bản để đảm bảo có thể đạt được cấp bền vững cơ bản.

**1.4.1** Có hệ thống kiểm tra nội bộ bao gồm ít nhất một cuộc tự đánh giá định kỳ dựa trên mức độ bền vững cơ bản.

**1.4.2** Người sản xuất và người lao động nhận thức được các thực hành cơ bản về tính bền vững, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến các Thực hành quan trọng và Quyền con người.

**1.4.3** Người sản xuất và người lao động bị ảnh hưởng tiêu cực bởi các hoạt động và hoạt động kinh doanh có cơ hội khiếu nại mà không bị ảnh hưởng tiêu cực.

**1.4.4** Nhóm duy trì một danh sách đầy đủ và cập nhật về tất cả các thành viên và dữ liệu cơ bản của họ: tức là tên, giới tính, diện tích cà phê tính theo ha, tiềm năng sản xuất cà phê mỗi năm tính theo bao hoặc kg, vị trí GPS (liên kết đến truy xuất nguồn gốc).

**1.5** Người sản xuất tham gia vào quá trình cải tiến liên tục trong thực hành canh tác.

**1.5.1** Người sản xuất có một kế hoạch hành động có thời hạn và phù hợp với địa phương để đáp ứng mức độ bền vững cơ bản.

**1.5.2** Các kế hoạch thường xuyên được xem xét, đánh giá tiến độ và các kế hoạch được điều chỉnh khi cần thiết để thúc đẩy cải tiến liên tục.

MỚI

MỚI

MỚI

MỚI + QUAN TRỌNG

CDS

# 2

## CÁC DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP

Người sản xuất có quyền truy cập, không bị phân biệt đối xử (về giới hay tuổi tác), vào các yếu tố đầu vào, dịch vụ và thông tin để có thể cải thiện năng suất và chất lượng.

### THỰC HÀNH

### KẾT QUẢ MONG ĐỢI

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

**2.1** Người sản xuất có quyền truy cập thông tin đáng tin cậy dựa trên nhu cầu của họ đến từ các nguồn độc lập.

**2.1.1** Thông tin thường xuyên có sẵn cho các nhà sản xuất về thực hành, dịch vụ, đầu vào, thị trường và khí hậu đến từ các nguồn độc lập.



**2.2** Người sản xuất được tiếp cận với các dịch vụ khuyến nông, đầu vào và tài chính.

**2.2.1** Các dịch vụ khuyến nông đang hỗ trợ người sản xuất hướng tới năng suất cao hơn, chất lượng cao hơn và lợi nhuận tốt hơn. Các yếu tố đầu vào (ví dụ như trồng, cải tạo đất hoặc quản lý dịch hại), thiết bị (ví dụ Bảo hộ lao động (PPE), nông cụ) và tài chính luôn có sẵn.



**2.3** Người sản xuất và người lao động được tiếp cận với chương trình đào tạo liên quan và có thể phát triển các kỹ năng kỹ thuật của họ.

**2.3.1** Một chính sách và lịch trình đào tạo dựa trên các nhu cầu đã xác định được phát triển và những rào cản được xác định.



**2.4** Người sản xuất có thể tiếp cận thông tin thị trường và giá cả phản ánh chất lượng từ các nguồn độc lập (ví dụ: đài phát thanh, các cuộc họp thành viên, bảng biểu thể về các thông tin).

**2.4.1** Người sản xuất được thông báo về giá địa phương và cơ chế giá theo chất lượng cà phê.



**2.4.2** Người sản xuất nhận được mức giá phản ánh chất lượng cà phê của họ.







# 3

## TÍNH TRUNG THỰC TRONG KINH DOANH

TẤT CẢ người sản xuất tiến hành hoạt động kinh doanh của họ một cách đạo đức và minh bạch.

### THỰC HÀNH

### KẾT QUẢ MONG ĐỢI

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

### ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

**3.1** Người sản xuất tuân thủ các yêu cầu pháp lý và quy định liên quan.

MỚI

**3.1.1** Người sản xuất tuân thủ các yêu cầu pháp lý và quy định liên quan.



**3.2** Người sản xuất có quyền sử dụng đất hợp pháp và chính đáng.

**3.2.1** Người sản xuất có quyền hợp pháp hoặc theo tập tục đối với đất để canh tác hoặc chế biến.



**3.3** Không có gian lận, tham nhũng, hối lộ và/hoặc tống tiền.

**3.3.1** Một chính sách về ứng xử có đạo đức được đưa ra và được thực hiện trong tất cả các hoạt động kinh doanh và giao dịch.



**3.4** Cà phê có thể truy xuất nguồn gốc.

**3.4.1** Cà phê và tài liệu lưu trữ thông tin về các sản phẩm từ cà phê có thể được truy xuất trở lại nhà cung cấp hoặc người sản xuất trực tiếp và chuyển đến người mua tiếp theo.



# PHÚC LỢI XÃ HỘI

Tuyên bố mục tiêu: Người sản xuất và công nhân làm việc trong lĩnh vực cà phê được hưởng các quyền và điều kiện làm việc tốt. Các gia đình tham gia canh tác cà phê cũng như cộng đồng của họ được hưởng lợi.

Đóng góp cho:







## NGUYÊN TẮC

4

QUYỀN  
TUỔI THƠ

5

NHÂN  
QUYỀN

6

ĐIỀU KIỆN  
LÀM VIỆC

7

CỘNG ĐỒNG



# 4

## QUYỀN TUỔI THƠ

Trẻ em có quyền có tuổi thơ và được học hành.

### THỰC HÀNH

**4.1** Trẻ em dưới 15 tuổi, dưới độ tuổi lao động tối thiểu hoặc độ tuổi phải hoàn thành chương trình giáo dục bắt buộc, không được làm việc. Lao động trẻ em không

#### QUAN TRỌNG

### KẾT QUẢ MONG ĐỢI

- 4.1.1** Trẻ em dưới 15 tuổi (hoặc tuổi đi học hợp pháp) đi học.
- 4.1.2** Trẻ em dưới 18 tuổi không được tham gia vào công việc có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe, sự an toàn hoặc đạo đức của trẻ. (Các hình thức tồi tệ nhất của ILO 182 về Lao động Trẻ em)
- 4.1.3** Trẻ em chỉ được chấp nhận làm công việc nhẹ nhàng trong gia đình và ngoài giờ học đối với trẻ em dưới 15 tuổi và không phải làm công việc độc hại.

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

#### ĐỐI TƯỢNG ỨNG DỤNG

Nông hộ quy mô nhỏ	Nhóm	Vườn
<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

GDS



# 5

## NHÂN QUYỀN

Người sản xuất và người lao động được hưởng các quyền của họ và các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người.

### THỰC HÀNH

**5.1** Người sản xuất và người lao động được bảo vệ khỏi phân biệt đối xử và quấy rối. (ILO 100, 111)

**5.2** Người lao động tự nguyện và tự do lựa chọn việc làm. (ILO 29, 105)

**5.3** Người sản xuất và người lao động có quyền tự do liên kết. (ILO 87, 98)

**5.4** Người lao động có quyền thương lượng tập thể.

### KẾT QUẢ MONG ĐỢI

**5.1.1** Tất cả người lao động đều được đối xử bình đẳng về thuê mướn, thù lao và lợi ích, được tiếp cận đào tạo và thăng tiến.

**5.1.2** Người lao động không bị bạo lực và bị quấy rối hoặc bị đối xử ngược đãi, bao gồm cả bạo lực giới.

**5.2.1** Người lao động có thể rời khỏi nơi làm việc và/hoặc nơi ở do người sử dụng lao động cung cấp.

**5.2.2** Người sử dụng lao động không giữ lại giấy tờ định danh hoặc giấy tờ đi lại, tiền lương/tiền hoặc các tài sản khác của người lao động.

**5.2.3** Người lao động không bị ràng buộc bởi nợ nần khi họ buộc phải làm việc cho một người sử dụng lao động để trả các khoản nợ của chính họ hoặc những khoản nợ từ người thân đã mất. Điều này cũng có thể bao gồm các hoạt động mua thực phẩm, chỗ ở và/hoặc phương tiện đi lại do chủ lao động quản lý khi chi phí vượt quá giá thị trường địa phương.

**5.3.1** Người sản xuất và người lao động được tự do thành lập và tham gia các tổ chức độc lập để bảo vệ và nâng cao lợi ích của họ (ví dụ: liên đoàn, hiệp hội, nhóm nông dân và công đoàn và tổ chức lao động cho công nhân).

**5.3.2** Đại diện của người sản xuất hoặc người lao động có quyền truy cập thông tin và nguồn lực cần thiết để thực hiện các chức năng của họ.

**5.3.3** Đại diện của người sản xuất hoặc người lao động không bị phân biệt đối xử cũng như không thực hiện các hành động bất lợi đối với họ.

**5.4.1** Các cuộc tham vấn thường xuyên giữa người sử dụng lao động và đại diện được ủy quyền của người lao động liên quan đến điều kiện làm việc, thù lao, giải quyết tranh chấp, quan hệ nội bộ và các vấn đề cùng quan tâm liên quan đến người lao động đang diễn ra.

**5.4.2** Kết quả của thương lượng tập thể được áp dụng cho người lao động.

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

### ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG



QUAN TRỌNG



## ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Người lao động có điều kiện làm việc và sinh hoạt tốt, an toàn.

6





## THỰC HÀNH

## KẾT QUẢ MONG ĐỢI

Nông hộ  
quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

ĐỐI TƯỢNG  
ÁP DỤNG

**6.1** Giờ làm việc tuân thủ luật pháp quốc gia/công ước quốc tế và/hoặc thương lượng tập thể và làm thêm giờ được trả công.

**6.1.1** Số giờ làm việc bình thường của công nhân và nhân viên được giới hạn ở mức 48 giờ mỗi tuần hoặc ít hơn nếu luật pháp quốc gia quy định. Đối với một số công việc cụ thể, ví dụ: an ninh, hơn 48 giờ mỗi tuần có thể được chấp nhận nếu được luật quốc gia cho phép cụ thể.

✓ ✓ ✓

**6.1.2** Làm thêm giờ là tự nguyện (đồng ý) và được trả lương theo luật quốc gia. Được phép làm thêm giờ trong các điều kiện bất thường, được đồng ý và/hoặc thương lượng trong Thỏa thuận thương lượng tập thể (CBA).

✓ ✓ ✓

**6.1.3** Người lao động được hưởng ít nhất một ngày nghỉ sau sáu ngày làm việc liên tục cũng như các kỳ nghỉ lễ và tết hàng năm.

✓ ✓ ✓

**6.2** Tiền lương tuân theo mức lương tối thiểu quốc gia hiện hành hoặc các thỏa thuận ngành bao gồm cả lao động thời vụ và lao động theo công việc.

**6.2.1** Tiền lương tuân theo mức lương tối thiểu quốc gia hiện hành hoặc các thỏa thuận ngành bao gồm cả lao động thời vụ và theo công việc. Tiền lương tăng theo thời gian để giảm khoảng cách với mức lương đủ sống.

✓ ✓ ✓

**6.2.2** Người lao động theo thời vụ và theo công việc nhận được các quyền lợi tương tự như những người lao động khác (ví dụ: nhà ở, thực phẩm, phương tiện đi lại, vệ sinh) nếu có.

✓ ✓ ✓

**6.3** Người lao động nhận được thông tin bằng văn bản và dễ hiểu về điều kiện việc làm của họ và nhận thức được các quyền của họ.

**6.3.1** Người lao động hiểu các điều kiện làm việc của họ và có các thỏa thuận hợp đồng. Thỏa thuận bằng miệng được chấp nhận nếu được luật pháp quốc gia cho phép.

✓ ✓ ✓

**6.3.2** Các thỏa thuận hợp đồng được tôn trọng.

✓ ✓ ✓

**6.3.3** Người lao động biết các quyền, nghĩa vụ và lợi ích của họ (ví dụ như an sinh xã hội, nghỉ thai sản).

✓ ✓ ✓

**6.4** Công nhân được sử dụng nhà vệ sinh sạch sẽ và nước uống sạch.

MỚI

**6.4.1** Công nhân có nước uống sạch.

✓ ✓ ✓

**6.4.2** Nhà vệ sinh sạch sẽ, công nhân dễ tiếp cận.

✓ ✓ ✓

**6.5** Nơi ở được cung cấp phải sạch sẽ, an toàn và đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người lao động.

**6.5.1** Khi cần, người sử dụng lao động sẽ cung cấp nhà ở sạch sẽ, an toàn và đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người lao động.

✓<sup>1</sup>

**6.5.2** Nhà ở được làm từ vật liệu xây dựng thích hợp, an toàn trước các mối nguy hiểm và ô nhiễm, chỗ ở được cung cấp đầy đủ.

✓<sup>1</sup>

**6.6** Cung cấp môi trường làm việc an toàn và hợp vệ sinh.

**6.6.1** Các rủi ro và mối nguy hiểm trong môi trường làm việc được xác định, giám sát và giảm thiểu.

✓ ✓ ✓

**6.6.2** Các quy trình và thiết bị để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo các điều kiện và thực hành làm việc lành mạnh và an toàn (ví dụ: liên quan đến thuốc bảo vệ thực vật, máy móc và mang, vác nặng) được nhận biết, thực hiện và giám sát.

✓ ✓

**6.6.3** Người lao động được đào tạo thường xuyên về các thực hành đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động

✓ ✓

**6.6.4** Việc giám sát các điều kiện làm việc lành mạnh và an toàn được thực hiện, bao gồm ví dụ như tiếp xúc với thuốc bảo vệ thực vật, ngộ độc thuốc bảo vệ thực vật và các sự cố liên quan tới an toàn và sức khỏe khác liên quan đến công việc. Các hộ sản xuất quy mô nhỏ không có kế hoạch về an toàn và sức khỏe nhận thức được những rủi ro chính và thực hiện các biện pháp để giải quyết chúng, chẳng hạn như áp dụng các biện pháp bảo vệ cá nhân, che các giếng hở và bảo vệ các bộ phận máy móc có khả năng gây nguy hiểm.

✓ ✓ ✓

# 7

## CỘNG ĐỒNG

Quyền và lợi ích của cộng đồng được hỗ trợ và thúc đẩy

### THỰC HÀNH

**7.1** Việc mua lại các quyền sở hữu đất và nước khi có sự đồng ý tự nguyện, được thông báo trước và có thông tin (FPIC) của những người bị ảnh hưởng.

### KẾT QUẢ MONG ĐỢI

**7.1.1** Việc thu hồi quyền sử dụng đất và nước được thực hiện với sự đồng ý tự nguyện, được thông báo trước và có sự đồng thuận của những người bị ảnh hưởng có quyền sử dụng đất hợp pháp, bao gồm cả những người tuyên bố là họ có quyền sử dụng đất theo truyền thống, đặc biệt là người bản địa.

Nông hộ  
quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

### ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG







# QUẢN LÝ VÀ TRÁCH NHIỆM VỀ MẶT MÔI TRƯỜNG

Tuyên bố mục tiêu: Người sản xuất bảo vệ và phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên bao gồm đa dạng sinh học, đất và nước, có khả năng thích ứng tốt hơn với biến đổi khí hậu và được trả công cho các dịch vụ môi trường cung cấp cho xã hội.

Đóng góp cho:





## NGUYÊN TẮC

8

ĐA DẠNG  
SINH HỌC

9

QUẢN LÝ SÂU BỆNH  
VÀ CỔ TỰ NHIÊN

10

BẢO TỒN  
TÀI NGUYÊN

11

PHÒNG NGỪA  
Ô NHIỄM

12

KHÍ HẬU





## ĐA DẠNG SINH HỌC

Duy trì một hệ sinh thái cân bằng và lành mạnh thông qua các hoạt động bảo vệ và thúc đẩy đa dạng sinh học bản địa.

8



## THỰC HÀNH

## KẾT QUẢ MONG ĐỢI

**8.1** Rừng tự nhiên và hệ sinh thái được bảo vệ khỏi sự chuyển đổi hoặc suy thoái cho dù hợp pháp hay không (Không phá rừng hoặc chuyển đổi rừng) sau ngày 1/1/2014 (hoặc sớm hơn).

Quan trọng  
MỚI+Quan trọng

**8.1.1** Không có rừng tự nhiên bị mất do: 1) chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất nông nghiệp hoặc đất khác không phải là rừng; 2) chuyển đổi sang trồng cây; hoặc 3) suy thoái nghiêm trọng và kéo dài sau ngày 1/1/2014 (hoặc sớm hơn).

**8.1.2** Các khu vực được giao là khu bảo tồn hợp pháp, khu bảo tồn hoặc các khu vực khác được pháp luật đảm bảo đều được bảo vệ.

**8.2** Bảo tồn đa dạng sinh học, bao gồm cả các loài động thực vật bản địa được bảo vệ hoặc có nguy cơ tuyệt chủng và quần thể sinh vật đất được hỗ trợ.

**8.2.1** Bản đồ cập nhật của mảnh, vườn hoặc khu vực trồng trọt, sản xuất có sẵn bao gồm các khu vực sản xuất, rừng, nguồn nước và nhà cửa, kho bãi.

**8.2.2** Không săn bắt hoặc khai thác các loài động vật và thực vật có nguy cơ tuyệt chủng. Trong trường hợp những người sản xuất quy mô nhỏ đang săn bắt hoặc nuôi giữ các loài có nguy cơ tuyệt chủng, thì cần có các hoạt động nâng cao nhận thức của họ về bảo tồn động vật tự nhiên, hoang dã.

**8.2.3** Người sản xuất thực hiện các thực hành bảo tồn theo các chương trình/tiêu chuẩn GAP tại quốc gia hiện hành.

**8.2.4** Không sử dụng các sinh vật biến đổi gen (chuyển gen) (GMO) và các giống cà phê biến đổi gen.

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn  
ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG



CBS







## QUẢN LÝ SÂU BỆNH VÀ CỎ TỰ NHIÊN

Thực hành quản lý cỏ và sâu bệnh hợp lý nhằm giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và ngăn ngừa tác hại đến sức khỏe và môi trường

9





## THỰC HÀNH

## KẾT QUẢ MONG ĐỢI

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

**9.1** Các chiến lược quản lý dịch hại, cỏ và dịch bệnh tổng hợp được áp dụng và giảm thiểu việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

**9.1.1** Hệ thống quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) được phát triển và đang thực hiện.

**9.1.2** Thuốc bảo vệ thực vật nguy hiểm cao đang được sử dụng được xác định và thông tin về các loại và tỷ lệ của tất cả các loại thuốc bảo vệ thực vật sử dụng được lưu giữ.

**9.1.3** Tập huấn về IPM được cung cấp cho người sản xuất và người lao động và có hướng dẫn liên quan phù hợp với điều kiện tại địa phương về các phương pháp không dùng thuốc bảo vệ thực vật để quản lý sâu bệnh hại cà phê, cỏ dại và dịch bệnh.

✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓

✓ ✓

✓

**9.2** Thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất nguy hiểm khác được lưu trữ, sử dụng và xử lý theo cách ít nguy hại nhất cho sức khỏe con người và môi trường.

**9.2.1** Kế hoạch áp dụng, lưu trữ và loại bỏ thuốc bảo vệ thực vật và các vật liệu nguy hiểm khác đã có sẵn và đang được thực hiện, bao gồm xác định các điểm quan trọng và các biện pháp để giảm thiểu rủi ro.

**9.2.2** Người sản xuất và công nhân xử lý thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất khác được đào tạo về cách xử lý thích hợp (bao gồm cả việc sử dụng, bảo quản và tiêu hủy).

**9.2.3** Việc sử dụng, lưu trữ và xử lý chất thải hóa chất nông nghiệp phù hợp với các khuyến nghị nông học và luật hiện hành.

**9.2.4** Người sản xuất và công nhân sử dụng xử lý thuốc bảo vệ thực vật được trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân. Đối với các hộ sản xuất quy mô nhỏ, nhận thức về tác hại đang được nâng cao và họ thực hiện các biện pháp để bảo vệ sức khỏe cá nhân.

✓ ✓

✓ ✓

✓ ✓ ✓

✓ ✓ ✓

**9.3** Việc sử dụng hóa chất nông nghiệp đáp ứng tất cả các yêu cầu pháp lý liên, quan bao gồm các điều ước quốc gia và quốc tế về thuốc bảo vệ thực vật bị cấm và độc hại cao. Thuốc bảo vệ thực vật bị cấm không được sử dụng và giảm việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục loại bỏ.

Quan trọng

**9.3.1** Thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục Cấm không được sử dụng. Chúng bao gồm các loại thuốc bảo vệ thực vật:

1) Được liệt kê theo Công ước Stockholm, Công ước Rotterdam hoặc Nghị định thư Montreal, hoặc đáp ứng các tiêu chí của các Công ước và được Ủy ban rà soát hóa chất tương ứng của Công ước đề xuất đưa vào.  
HOẶC

2) Theo bất kỳ một trong ba phân loại độc hại cấp tính nhất qua đường ăn uống, tiếp xúc qua da hoặc hít phải, hoặc các chất gây ung thư đã được biết, phân loại theo các cơ quan trong nước và quốc tế.

Chi tiết về các tiêu chí và danh sách chi tiết các loại thuốc bảo vệ thực vật được liệt kê trong Phụ lục Danh sách thuốc bảo vệ thực vật.

✓ ✓ ✓

**9.3.2** Thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục Cấm không được sử dụng được giảm và cấm sử dụng trước năm 2030 nếu khả thi.

Điều này bao gồm các loại thuốc bảo vệ thực vật được các cơ quan cấp quốc gia và quốc tế phân loại thành như sau:

1) Nguy cơ mãn tính, bao gồm: chất có thể gây ung thư, chất gây rối loạn nội tiết đã được phát hiện, chất độc gây ảnh hưởng tới sức khỏe sinh sản đã được phát hiện hoặc chất gây đột biến đã được phát hiện  
HOẶC

1) Nguy cơ đối với môi trường (độc hại cao đối với ong, HOẶC hai hoặc nhiều hơn: tích lũy sinh học, tồn lưu, độc tính cao đối với sinh vật dưới nước)  
Thông tin chi tiết về các tiêu chí và danh sách chi tiết các loại thuốc bảo vệ thực vật có trong Phụ lục Danh sách thuốc bảo vệ thực vật.

✓ ✓ ✓



# 10

## BẢO TỒN TÀI NGUYÊN

Chất lượng đất và nguồn nước được duy trì hoặc cải thiện.

### THỰC HÀNH

### KẾT QUẢ MONG ĐỢI

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

### ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

**10.1** Đất được bảo vệ khỏi xói mòn bằng các biện pháp bảo tồn đất đầy đủ.

**10.1.1** Người sản xuất có kiến thức về các kỹ thuật để duy trì và kiểm soát chất lượng đất (vật lý, hóa học và sinh học) và các kỹ thuật liên quan được thực hiện. Ví dụ: canh tác tốt, quản lý dư lượng, làm đất theo đường đồng mức, trồng cỏ cản đường nước, cây cố định nitơ, phân xanh và kỹ thuật nông lâm nghiệp.

✓ ✓ ✓

**10.1.2** Người sản xuất có kiến thức về các kỹ thuật chống xói mòn đất và thực hiện các kỹ thuật liên quan. Ví dụ: đắp các đường bao với các thao tác làm đất, sử dụng cây che bóng và trồng cây chắn gió.

✓ ✓

CDS

**10.2** Độ phì nhiêu của đất được duy trì và cải thiện.

**10.2.1** Phân tích đất và/hoặc lá được thực hiện và ghi lại.

✓ ✓

**10.2.2** Các thực hành để tăng khả năng sản sinh được áp dụng, ví dụ: sử dụng cây che phủ, đất được phủ bằng lớp lá hoặc mùn bã hữu cơ, phụ phẩm (cà phê) có sẵn ở trang trại, ủ phân, làm giảm độ chua của đất, trồng cây che bóng và/hoặc cây ranh giới, thực hành trồng xen canh.

✓ ✓

CDS

**10.2.3** Việc áp dụng phân bón tổng hợp tuân theo các khuyến nghị nông học, được ghi lại và nếu khả thi sẽ giảm dần theo thời gian.

✓ ✓

**10.3** Tài nguyên nước được bảo tồn và sử dụng hiệu quả (số lượng).

**10.3.1** Các nguồn nước đã được xác định và được bảo tồn bằng cách tái chế, sử dụng lượng vừa đủ để không làm cạn kiệt nguồn nước.

✓ ✓

**10.3.2** Người sản xuất nắm rõ các nguồn nước đã được phát hiện và khai thác hoặc được coi là đang ở giai đoạn cấp thiết hoặc bị sử dụng quá mức. Nếu các nguồn nước đang ở giai đoạn có nguy cơ bị đe dọa hoặc bị sử dụng quá mức, người sản xuất cùng với các bên liên quan tại địa phương để thực hiện các hoạt động bảo tồn nguồn nước.

✓ ✓

CDS

**10.3.3** Các biện pháp giảm thiểu sử dụng nước được thực hiện. Trong trường hợp là nông hộ sản xuất quy mô nhỏ, cần được đào tạo về cách tưới và thu gom hiệu quả nếu có thể.

✓ ✓ ✓

**10.3.4** Ở cấp xử lý trung tâm, việc sử dụng nước đang được đo lường và sử dụng hiệu quả.

✓ ✓



# 11

## PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM

Bảo vệ môi trường và cộng đồng địa phương thông qua giảm thiểu, loại bỏ hoặc ngăn ngừa ô nhiễm.

### THỰC HÀNH

### KẾT QUẢ MONG ĐỢI

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

### ĐỐI TƯỢNG ỨNG DỤNG

**11.1** Thực hành nông nghiệp tốt nhằm giảm thiểu tác động đến chất lượng nước mặt và nước ngầm.

**11.1.1** Người sản xuất thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước do dư lượng hóa chất, phân bón và xói mòn hoặc các nguồn khác theo các chương trình/tiêu chuẩn GAP quốc gia hiện hành (ví dụ: duy trì vùng đệm xung quanh các nguồn nước, bảo tồn hoặc tái tạo thảm thực vật bản địa dọc theo các thủy vực).



GDS

**11.2** Cần ngăn ngừa hoặc giảm thiểu chất thải nếu có thể (nước thải, các rác thải từ trang trại và rác thải, phụ phẩm trong quá trình chế biến, sử dụng các nhiên liệu hóa thạch).

**11.2.1** Các loại chất thải khác nhau được tạo ra được xác định để có cơ hội ngăn chặn hoặc giảm thiểu chúng.



**11.2.2** Xử lý nước thải tại các nhà máy/trạm rửa tập trung đáp ứng các thông số chất lượng nước thải đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia



**11.3** Ở những nơi không thể ngăn chặn được chất thải, việc tái sử dụng và tái chế được tối đa hóa.

**11.3.1** Các sản phẩm hữu cơ từ trồng trọt và chế biến được tái chế và sử dụng tại trang trại để tăng cường độ phì nhiêu của đất.



**11.3.2** Chất thải được phân theo các loại khác nhau.



**11.4** Chất thải nguy hại được xử lý an toàn để ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước và đất cũng như gây hại cho con người và động vật.

**11.4.1** Chất thải nguy hại được xác định.



**11.4.2** Chất thải nguy hại/nước thải được xử lý.



**11.4.3** Xử lý an toàn được thực hiện và theo các loại chất thải khác nhau.



# 12

## KHÍ HẬU

Người sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu và góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.

### THỰC HÀNH

**12.1** Các biện pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu được xác định và thực hiện.

**12.2** Các nỗ lực được thực hiện để giảm việc sử dụng nhiên liệu hóa thạch tại nông hộ và trong sản xuất.

### KẾT QUẢ MONG ĐỢI

MỚI

**12.1.1** Người sản xuất đã tiến hành một kế hoạch đánh giá rủi ro khí hậu. Trong trường hợp các hộ sản xuất quy mô nhỏ không có kế hoạch ứng phó với các rủi ro về khí hậu, họ cần có nhận thức về tác động của khí hậu như mất diện tích thích hợp để sản xuất cà phê và chuyển dịch lên các vị trí cao hơn, thiếu nước trầm trọng, ra hoa, đậu quả kém, gia tăng dịch bệnh sâu bệnh hại.

**12.1.2** Người sản xuất xác định và thực hiện các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu như GAP, quản lý cây che bóng trong trang trại, tăng độ che phủ của cây, nông lâm kết hợp, thủy lợi, giống mới và đa dạng hóa cây trồng.

**12.1.3** Người sản xuất áp dụng tích cực các thực hành để gia tăng việc hấp thụ carbon trong đất, ví dụ thông qua nông lâm kết hợp, không làm đất, trồng cây che phủ (cây che phủ đất, cây che bóng) và/hoặc áp dụng các phương thức trồng xen canh.

**12.1.4** Người sản xuất xác định những nguồn chính gây ra lượng phát thải khí nhà kính (GHG) trong hoạt động sản xuất và chế biến đến năm 2024 để ghi lại từ đó có các biện pháp để giảm thiểu lượng phát thải vào các năm sau.

**12.2.1** Việc sử dụng năng lượng trong canh tác và chế biến cà phê được định lượng và lập thành văn bản.

**12.2.2** Giảm sử dụng năng lượng và cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng.

**12.2.3** Sử dụng tối đa các nguồn năng lượng tái tạo.

Nông hộ quy mô nhỏ  
Nhóm  
Vườn

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG







## Các tài liệu tham khảo

Diễn đàn Cà phê Toàn cầu tuân theo một số tiêu chuẩn và công ước được quốc tế công nhận, chẳng hạn như Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO). Các tài liệu tham khảo bổ sung có thể tìm thấy trong bảng chú giải [thuật ngữ và bảng hướng dẫn](#).

## Hiệu lực của phiên bản mới

Việc sửa đổi Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững trong giai đoạn 2020-2021 đã tuân theo [Quy tắc thực hành tốt ISEAL để thiết lập các tiêu chuẩn xã hội và môi trường](https://www.isealalliance.org/get-involved/resources/iseal-standard-setting-code-good-practice-version-60) (https://www.isealalliance.org/get-involved/resources/iseal-standard-setting-code-good-practice-version-60 | phiên bản 6.0 – tháng 12 năm 2014).

Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững phiên bản v3.0 đã được Hội đồng quản trị GCP phê duyệt vào ngày 7 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ tháng 10 năm 2021 trở đi.

## Lịch sử của Tài liệu

Phiên bản	Ngày có hiệu lực / kể từ ngày	Chi tiết thay đổi
<b>v1.0</b>	2007	Quy tắc Chung cho Cộng đồng Cà phê (4C) được đưa ra vào tháng 9 năm 2004.
<b>v1.3</b>	Tháng 7 năm 2010	Bộ Quy tắc Ứng xử 4C đã được điều chỉnh để thực hiện và xác minh. Các thay đổi bao gồm: cập nhật từ ngữ, sửa đổi một số nguyên tắc và bổ sung một danh mục mới. Các chỉ số chung cũng đã được giới thiệu.
<b>v2.0</b>	Tháng 7 năm 2015	Bản sửa đổi đầy đủ. Các thay đổi bao gồm: các chỉ số của Thực hành không được chấp nhận, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật, bảng thuật ngữ và các yêu cầu khác đối với Đơn vị 4C. Tập trung vào canh tác cà phê như một doanh nghiệp: bổ sung một nguyên tắc mới về năng suất/lợi nhuận, bắt đầu với khía cạnh kinh tế và nguyên tắc phân nhóm khi áp dụng cho các hộ sản xuất quy mô nhỏ. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật: tập trung hơn vào sản xuất cà phê và phù hợp hơn với danh sách các tiêu chuẩn tự nguyện khác.
<b>V2.1</b>	Tháng 4 năm 2016	Không thay đổi nội dung, chỉ có một vài sửa đổi nhỏ để điều chỉnh theo các thay đổi trong việc sắp xếp lại tổ chức mới. Diễn đàn Cà phê Toàn cầu sẽ xác định và duy trì Bộ Tiêu chuẩn Cơ sở Chung (sau này được gọi là Bộ Tiêu chuẩn Cơ sở về Cà phê), là tài liệu tham khảo cho Bộ Quy tắc Ứng xử 4C có thể kiểm chứng được vận hành bởi Coffee Assurance Services (Các Dịch vụ Đảm bảo Cà phê) và các nhà điều hành được công nhận khác.
<b>V3.0</b>	Tháng 10 năm 2021	Bản sửa đổi đầy đủ. Chuyển đổi Bộ Tiêu chuẩn Cơ sở về Cà phê từ hệ thống đèn giao thông gồm các Nguyên tắc, Tiêu chí và Chỉ số sang một khung tham chiếu về Nguyên tắc, Thực hành và Kết quả mong đợi – Được đổi tên thành Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững.

## Bản sửa đổi tiếp theo của Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững

Quy trình và thủ tục sửa đổi thường xuyên tuân theo các khuyến nghị và yêu cầu của Liên minh ISEAL đối với các hệ thống tiêu chuẩn bền vững đáng tin cậy để đảm bảo các thông tin phù hợp và được cập nhật. Các bên liên quan sẽ được thông báo với đầy đủ lưu ý về lần xem xét theo lịch trình tiếp theo. Lần sửa đổi tiếp theo sẽ được tiến hành muộn nhất vào năm 2026.

Để biết thêm thông tin về Bộ Quy tắc Tham chiếu về Cà phê Bền vững, hãy truy cập [website](#) của Diễn đàn Cà phê Toàn cầu.



#### GLOBAL COFFEE PLATFORM

Legal venue | Global Coffee Platform  
(Federal Reg. No. CH-660-2928006-4)  
Case postale 1270 | Rue Mina-Audemars 3  
1204 Genève | Switzerland

#### GCP Secretariat

Charles de Gaulle Strasse 5  
53113 Bonn, Germany  
**PHONE** +49 (0) 228 850 50 0  
**EMAIL** [info@globalcoffeeplatform.org](mailto:info@globalcoffeeplatform.org)  
**WWW** [globalcoffeeplatform.org](http://globalcoffeeplatform.org)

2021 | Global Coffee Platform



Giấy phép Creative Commons Attribution 4.0.

GCP đã thông qua bản quyền “mã nguồn mở” cho tài liệu này để thúc đẩy tính bền vững của ngành cà phê. Theo đây, quyền được cấp miễn phí để chia sẻ (sao chép và chia sẻ lại) và điều chỉnh (điều chỉnh, chuyển đổi và xây dựng dựa trên) tài liệu này, theo các điều khoản sau:

Ghi nhận tác giả – Bất cứ việc sao chép, trích dẫn, chia sẻ hoặc sử dụng nào đều phải ghi nguồn trích dẫn tài liệu của Diễn đàn Cà phê Toàn cầu, bao gồm liên kết hiển thị đến trang web của chúng tôi [globalcoffeeplatform.org](http://globalcoffeeplatform.org) và thông báo trong trường hợp có bất cứ thay đổi nào. Vui lòng chia sẻ với chúng tôi một bản sao của tất cả các phiên bản sửa đổi.

Chia sẻ tương tự – các bản điều chỉnh bổ sung, chuyển đổi và xây dựng dựa trên tài liệu này, cũng phải tuân theo giấy phép bản quyền này.

Đối với các tài liệu được dịch sang các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh, phiên bản tiếng Anh vẫn là phiên bản chính thức và Diễn đàn Cà phê Toàn cầu (GCP) không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự khác biệt nào giữa các phiên bản đã dịch.